TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2021.
V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ơn.
2. Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15A/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị X, sinh năm 1990.
Nơi ĐKHKTT: xóm R, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.
Chỗ ở: Thôn T, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1987.
Nơi cư trú: xóm R, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Trịnh Thị X trình bày: chị và anh Bùi Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 12/3/2020. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng ban đầu có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng này sinh từ cuối năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống, do khác biệt văn hóa vùng miền. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân nhau cuối năm 2020 đến nay. Quá trình sống ly thân chị X và anh Q cũng

không còn quan tâm đến nhau mà bỏ mặc ai sống như thế nào cũng được. Nay chị Trịnh Thị X thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Q. Về con chung: chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị Trịnh Thị X khai là không có.

Về phía anh Bùi Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Bùi Văn Q thể hiện anh Bùi Văn Q có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị Trịnh Thị X đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến trực tiếp của anh Bùi Văn Q. Tuy nhiên, theo đơn xin vắng mặt của anh Bùi Văn Q, anh Q có được biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị Trịnh Thị X và anh nhưng do yêu cầu cách ly dịch bệnh Covid-19 tại địa phương anh làm việc nên anh không thể đến Tòa án. Anh Bùi Văn Q cũng xác nhận tình trạng vợ chồng anh có mâu thuẫn do có vài điểm không hòa hợp nhau, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với chị Trịnh Thị X được nữa và nhất trí ly hôn với chị Trịnh Thị X. Về con chung anh Bùi Văn Q xác nhận là không có. Về tài sản chung, anh Bùi Văn Q xác nhận đã thỏa thuận, không có tranh chấp. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Tòa án đã xác minh tình trạng vợ chồng chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q thấy rằng quá trình kết hôn đúng như chị X khai. Mâu thuẫn vợ chồng chị X – anh Q đã trầm trọng, đã sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống do khác biệt về phong tục, văn hóa vùng miền. Về con chung: Chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q không có con chung. Tài sản chung và nợ chung đều không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân thời gian dài và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về con chung không có, về tài sản, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn Q không có mặt tại Tòa án. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Bùi Văn Q. Do bị đơn đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị X và anh Q có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị X và anh Q do bất đồng với nhau về quan điểm, lối sống do khác biệt về phong tục, văn hóa vùng miền. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng; đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Quá trình sống ly thân chị X, anh Q cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc ai muốn sống thế nào cũng được. Như vậy, chị X và anh Q đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù anh Bùi Văn Q có ý kiến nhất trí ly hôn nhưng đó là ý kiến trong đơn xin vắng mặt, chưa được kiểm chứng trực tiếp từ anh Bùi Văn Q nên không thể coi là thuận tình ly hôn mà cần xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị X là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị X về việc xin ly hôn; cho chị Trịnh Thị X được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị X và anh Bùi Văn Q không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Trịnh Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005491 ngày 17/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Trịnh Thị X đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã V – Lạc Sơn – HB; *(Nơi đăng ký kết hôn ngày 12/3/2020)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn